



DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.044

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN KHOA DU LỊCH, TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIÊN GIANG VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Trương Trí Thông và Nguyễn Thị Tường Vi

Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trương Trí Thông (email: ttthong@kqc.edu.vn)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 21/10/2019

Ngày nhận bài sửa: 13/12/2019

Ngày duyệt đăng: 29/04/2020

### Title:

Climate change awareness of students at Faculty of Tourism, Kien Giang College

### Từ khóa:

Biến đổi khí hậu, nhân tố ảnh hưởng, nhận thức, sinh viên du lịch, trường Cao đẳng Kiên Giang

### Keywords:

Awareness, climate change, factors influencing, Kien Giang College, tourism students

### ABSTRACT

This study is aimed to evaluate factors influencing awareness of students at Faculty of Tourism, Kien Giang College about climate change. The data were collected from 450 students studying at Faculty of Tourism. The method of independent samples T-test, one-way ANOVA, exploratory factor analysis and multiple regression analysis (with SPSS 20.0) used to analyzed the data. This study outcomes indicated that there are six factors influencing the awareness of students at Faculty of Tourism, Kien Giang College about climate change in descending order: (1) Solution to climate change mitigation, (2) Information and media, (3) Educational activities, (4) Cause of climate change, (5) The effects of climate change, and (6) Climate change knowledge. Based on the outcomes, some suggestions were proposed to raise awareness of students at Faculty of Tourism, Kien Giang College in the future.

### TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang về biến đổi khí hậu. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 450 sinh viên đang học tại Khoa Du lịch. Phương pháp kiểm định trung bình hai mẫu độc lập, phân tích phương sai ANOVA, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả cho thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang về biến đổi khí hậu theo thứ tự giảm dần là: (1) biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu, (2) hoạt động thông tin và truyền thông, (3) hoạt động giáo dục, (4) nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu, (5) tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và (6) sự hiểu biết về biến đổi khí hậu. Từ đó, một số giải pháp đưa ra nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang hơn trong tương lai.

Trích dẫn: Trương Trí Thông và Nguyễn Thị Tường Vi, 2020. Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang về biến đổi khí hậu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(2C): 168-177.

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại đang phải đối mặt hiện nay đó chính là vấn đề về biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tài nguyên nước, quá trình sản xuất nông nghiệp, vấn đề an ninh lương thực, ngành dịch vụ, sức khỏe con người, ... ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Theo các kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng của BĐKH đang diễn ra thì nước biển dâng cao 1m là có 0,3% diện tích lãnh thổ (tương đương 194.000 km<sup>2</sup>) sẽ biến mất, tác động tới đời sống của 1,28% dân số (56 triệu người) gây thiệt hại 219.181 tỷ USD (chiếm 1,3%) (DARA, 2012; Field *et al.*, 2014). Do đó, hiện nay, BĐKH đã và đang trở thành vấn đề toàn cầu, đòi hỏi phải có sự chung tay giải quyết của nhiều nhóm liên quan bao gồm phương tiện truyền thông, nhà khoa học, nhà quản lý và các nhóm giáo dục (Alan, 2013; trích bởi Trần Thị Minh Ngọc, 2017). Mặc dù chịu sự tác động của BĐKH, nhưng nhận thức của mỗi cá nhân và cộng đồng về BĐKH là hoàn toàn khác nhau, đa dạng và thiếu nhất quán. Để đối phó với vấn đề này, nhiều biện pháp nhằm nâng cao năng lực phòng tránh thiên tai và thích ứng với BĐKH được định hướng từ khá sớm, đặc biệt là nhóm đối tượng học sinh và sinh viên thông qua thái độ và sự nhận thức.

Du lịch là ngành rất nhạy cảm với môi trường và chịu ảnh hưởng của BĐKH như làm suy giảm hoặc mất đi các tài nguyên du lịch, gây sự xuống cấp, hư hại hoặc mất đi hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật du lịch, ảnh hưởng đến hoạt động tổ chức tour hoặc đe dọa sự an toàn cho du khách,... (Phạm Trung Lương, 2015). Do đó, nhằm nâng cao nhận thức cho người lao động trong ngành du lịch, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng và đưa vào chương trình đào tạo du lịch tại các cơ sở đào tạo bậc trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng – đại học chuyên đề: “Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch” để nhằm đưa ra biện pháp bền vững và lâu dài (Phạm Trung Lương, 2015). Chính vì thế, việc đánh giá nhận thức của các đối tượng lao động ngành du lịch về BĐKH là rất cần thiết trong nghiên cứu, đặc biệt là đối tượng sinh viên, nhóm đối tượng được tiếp xúc nhiều về BĐKH trong nội dung các học phần, môn học cũng như hoạt động thực tế, một nguồn lực sẽ trở thành đội ngũ lao động trong ngành du lịch ở tương lai. Việc đánh giá nhận thức của sinh viên ngành du lịch về BĐKH khi còn trên ghế nhà trường sẽ góp phần tìm ra những những thiếu sót, từ đó có những biện pháp bổ sung kịp thời trong nội dung

giảng dạy; sớm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên góp phần hạn chế tác động xấu gây ra BĐKH cũng như tăng khả năng thích ứng trong quá trình BĐKH hiện nay. Vậy, tại trường Cao đẳng Kiên Giang (CĐKG), nhận thức của sinh viên ngành du lịch về BĐKH ra sao? và các nhân tố nào tác động đến nhận thức về BĐKH của sinh viên ngành du lịch ở trường này đến nay vẫn chưa được tìm hiểu và nghiên cứu kỹ.

Chính vì vậy, việc đánh giá nhận thức của sinh viên du lịch về BĐKH ở trường CĐKG cần thiết được thực hiện. Mục đích của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về BĐKH của sinh viên Khoa Du lịch, trường CĐKG; qua đó một số giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH của sinh viên Khoa Du lịch tại trường CĐKG. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học thực tiễn hỗ trợ cơ sở đào tạo, ban chủ nhiệm khoa, đội ngũ giảng viên giảng dạy và các bên có liên quan điều chỉnh nội dung giảng dạy trong các học phần, các hoạt động nhằm đảm bảo nâng cao hiểu biết và nhận thức của đối tượng sinh viên du lịch về vấn đề môi trường và BĐKH cũng như khả năng thích ứng đối với hiện tượng toàn cầu này.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người (nhận thức, tình cảm và hành động) và nhận thức là một quá trình ở con người. Ở con người, quá trình này thường gắn với mục đích nhất định nên nhận thức của con người là một hoạt động; đặc trưng nổi bật nhất của hoạt động nhận thức là phản ánh hiện thực khách quan và hoạt động này bao gồm nhiều quá trình khác nhau, thể hiện những mức độ phản ánh hiện thực khác nhau (cảm giác, trí giác, tư duy, tưởng tượng,...) và mang lại những sản phẩm khác nhau về hiện thực khách quan (hình ảnh, hình tượng, biểu tượng, khái niệm) (Nguyễn Quang Uẩn và *ctv.*, 2008).

BĐKH là sự biến đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình và/hoặc dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỷ hoặc dài hơn. BĐKH có thể là do các quá trình tự nhiên bên trong hoặc các tác động bên ngoài, hoặc do hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển, bao gồm cả trong khai thác sử dụng đất (Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, 2011).

Theo “Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam”, các biểu hiện chính của BĐKH bao gồm sự tăng nhiệt độ toàn cầu, sự thay đổi về lượng

mưa, các hiện tượng cực đoan liên quan đến nhiệt độ, các hiện tượng cực đoan liên quan đến mưa, các hiện tượng bão, áp thấp nhiệt đới và nước biển dâng (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009). Quan trắc nhiều năm về BĐKH cho thấy, xu hướng nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng, sự tan chảy băng ở hai cực, sự thay đổi về diện tích tuyết bao phủ, những thay đổi của tần số và cường độ của các sự kiện thời tiết cực đoan (IPCC, 2007). Do đó hiện nay, BĐKH đã và đang tác động tiêu cực đến tự nhiên và đời sống của con người trên thế giới bao gồm sự thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, hạn hán, lũ lụt, xói mòn và sạt lở bờ biển, mực nước biển dâng gây nguy cơ ngập chìm các hòn đảo và khu vực ven biển,...

Thấy được vô số các tác động tiêu cực đó, con người dần nhận thức được về BĐKH. Theo Ziadat (2010), nhận thức về môi trường và BĐKH là một dạng kiến thức có thể phát triển qua quá trình nhận thức của con người. Vì thế, có thể nói rằng nhận thức về môi trường và BĐKH là sản phẩm của giáo dục và có thể phát triển thông qua quá trình giáo dục. Chính vì vậy, việc giáo dục rất quan trọng trong quá trình nhận thức của con người về BĐKH, đặc biệt là học sinh và sinh viên.

Quá trình điều tra nhận thức nhìn chung khẳng định rằng sự thiếu hụt kiến thức về nguyên nhân gây ra BĐKH và ảnh hưởng kèm theo của nó dẫn tới sự khó khăn trong đề xuất phương hướng giải quyết và biện pháp hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đó ở quy mô địa phương và toàn cầu. Chính vì vậy, kiến thức về BĐKH rất quan trọng và do đó vai trò của giáo dục trong giải quyết các thách thức của BĐKH được công nhận rộng rãi. Bởi vì giáo dục cho phép trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ, khuynh hướng ứng xử và tích lũy năng lực ứng phó khi phải đối mặt (Mochizuki and Bryan, 2015; trích bởi Trần Thị Minh Ngọc, 2017). Các nội dung chính trong hoạt động giáo dục về BĐKH nhằm thay đổi nhận thức của học sinh và sinh viên là khái niệm, biểu hiện, đặc điểm, hệ quả, nguyên nhân, tác động, biện pháp ứng phó, giáo dục và tuyên truyền,.... (Nguyễn Thị Minh Phương, 2009; Hoàng Thị Kim Huyền và *ctv.*, 2012). Bên cạnh đó, việc áp dụng các phương pháp giáo dục cũng là yếu tố chính tác động tới mức độ hiệu quả về mặt giáo dục nhận thức đối với vấn đề BĐKH của học sinh (Nguyễn Thị Minh Phương, 2009).

Ngoài ra, quá trình đánh giá những tác động tới nhận thức và thái độ đối với vấn đề nóng lên toàn cầu và BĐKH được thể hiện thông qua: mức độ hiểu biết về BĐKH, nguyên nhân dẫn đến BĐKH, các rủi ro cá nhân và xã hội trong tương lai (tác động

của BĐKH); biện pháp giải quyết BĐKH, kinh nghiệm giảm thiểu tác động của BĐKH và sự thích nghi với BĐKH (Bord *et al.*, 2000; the Asia Foundation, 2012; Jorgensen and Termansen, 2016; Trần Thị Minh Ngọc, 2017). Không những thế, nhận thức của học sinh và sinh viên về BĐKH còn bị ảnh hưởng từ phía thông tin và truyền thông, bởi vì công tác truyền thông sẽ giúp con người ý thức được hành vi, biết được hậu quả và tác hại của BĐKH, từ đó chủ động góp phần vào quá trình thích ứng với BĐKH vì sự phát triển bền vững (Trần Bích Vân, 2015).

Từ những cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu trong lần ngoài nước, mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về BĐKH của sinh viên ngành du lịch tại trường CĐKG bao gồm 6 thang đo: (1) Hoạt động giáo dục; (2) Sự hiểu biết; (3); Nguyên nhân dẫn đến BĐKH (4) Tác động tiêu cực của BĐKH; (5) Biện pháp hạn chế BĐKH; và (6) Hoạt động thông tin và truyền thông. Các biến đánh giá được cụ thể như sau:

(1) Hoạt động giáo dục: HDGD1 (Kiến thức về khái niệm BĐKH được đề cập trong nội dung các học phần du lịch liên quan), HDGD2 (Kiến thức về biểu hiện của BĐKH được đề cập trong nội dung các học phần du lịch liên quan), HDGD3 (Kiến thức về nguyên nhân dẫn đến BĐKH được đề cập trong nội dung các học phần du lịch liên quan), HDGD4 (Kiến thức về hậu quả/tác động tiêu cực của BĐKH được đề cập trong nội dung các học phần du lịch liên quan), HDGD5 (Kiến thức về biện pháp ứng phó, thích nghi và hạn chế dẫn đến BĐKH được đề cập trong nội dung các học phần du lịch liên quan), HDGD 6 (Giáo dục ý thức về BĐKH trong quá trình giảng dạy của giảng viên) và HDGD7 (Các hoạt động thực tế của Khoa, trường về bảo vệ môi trường nhằm hạn chế BĐKH).

(2) Sự hiểu biết: SHB1 (Sự hiểu biết về khái niệm BĐKH), SHB2 (Sự hiểu biết về biểu hiện BĐKH), SHB3 (Sự hiểu biết về nguyên nhân dẫn đến BĐKH), SHB4 (Sự hiểu biết về hậu quả/ tác động tiêu cực của BĐKH) và SHB5 (Sự hiểu biết về biện pháp hạn chế, thích nghi với BĐKH).

(3) Nguyên nhân dẫn đến BĐKH: NN1 (Trình độ dân trí và hành xử thiếu văn hóa đối với môi trường), NN2 (Sự phát triển đô thị hóa và công nghiệp hóa), NN3 (Nạn chặt phá rừng bừa bãi), NN4 (Các chất thải từ ngành công nghiệp), NN5 (Các chất thải y tế), NN6 (Các chất thải sinh hoạt), NN7 (Khí thải từ phương tiện giao thông).

(4) Tác động tiêu cực của BĐKH: TDTC1 (Sự thay đổi thất thường của thời tiết), TDTC2 (Sự nóng lên của nhiệt độ), TDTC3 (Sự thay đổi về tần suất và lượng mưa), TDTC4 (Tần suất các cơn bão diễn ra), TDTC5 (Hiện tượng băng tan và nước biển dâng), TDTC6 (Hiện tượng xói mòn bờ biển) và TDTC7 (Sự xuất hiện của dịch bệnh).

(5) Biện pháp hạn chế BĐKH: BP1 (Tuyên truyền, giáo dục ý thức về BĐKH trong học đường và cộng đồng), BP2 (Có các khẩu hiệu, băng rôn về bảo vệ môi trường và BĐKH), BP3 [Quản lý và xử lý chất thải (hạn chế sử dụng túi nilon, tái chế sản phẩm,...)], BP4 [Các hoạt động bảo vệ môi trường (nhặt rác, dọn vệ sinh bờ biển, trồng rừng, hạn chế đi các phương tiện giao thông có khí thải CO<sub>2</sub>,...)], BP5 [Sự xuất hiện của các loại hình du lịch liên quan đến bảo vệ môi trường (du lịch xanh, du lịch bền vững, du lịch có trách nhiệm,...)], BP6 (Sự thay đổi hình thức canh tác, sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp của người dân để ứng phó với BĐKH).

(6) Hoạt động thông tin và truyền thông: TT1 (Có các khẩu hiệu, băng rôn, hình ảnh về bảo vệ môi trường và hạn chế BĐKH ở khuôn viên trường học), TT2 (Có các khẩu hiệu, băng rôn, hình ảnh về bảo vệ môi trường và hạn chế BĐKH ở các phòng học), TT3 (Có các khẩu hiệu, băng rôn, hình ảnh về bảo vệ môi trường và hạn chế BĐKH ở khoa phụ trách đào tạo), TT4 (Có các khẩu hiệu, băng rôn, hình ảnh về bảo vệ môi trường và hạn chế BĐKH trên trang mạng xã hội của Khoa, trường) và TT5 (Có các khẩu hiệu, băng rôn, hình ảnh về bảo vệ môi trường và hạn chế BĐKH trên trang website của Khoa, trường).

## 2.1 Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các sách, tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Dữ liệu thu thập được tổng hợp, phân tích và đánh giá nhằm phục vụ cho việc xây dựng mô hình nghiên cứu. Bên cạnh đó, dữ liệu thứ cấp còn nhằm phục vụ việc bình luận một số kết quả nghiên cứu.

## 2.2 Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp

Kết quả nghiên cứu là dựa trên dữ liệu được thu thập từ thông tin của 450 sinh viên đang theo học ngành Du lịch tại Khoa du lịch, Trường CĐKG bằng cách phỏng vấn bằng hỏi. Do số lượng sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG không đồng đều về từng chuyên ngành và khóa học nên phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng trong thu thập dữ liệu sơ cấp. Nội dung dữ liệu chủ yếu tập trung vào

các phương diện về mặt nhận thức đối với vấn đề BĐKH. Thời gian phỏng vấn từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2019. Dữ liệu được mã hóa và nhập trên phần mềm SPSS 20.0. Các phương pháp được sử dụng trong phân tích dữ liệu bao gồm: kiểm định trung bình hai mẫu độc lập, phân tích phương sai ANOVA, đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến.

(1) Phương pháp kiểm định trung bình hai mẫu độc lập: Dùng để so sánh mức độ khác biệt về sự nhận thức BĐKH của sinh viên nam và sinh viên nữ.

(2) Phương pháp phân tích phương sai one-way ANOVA: Phương pháp này được dùng để tìm ra sự khác biệt về nhận thức BĐKH của sinh viên qua các khóa học (khóa 11, khóa 12 và khóa 13).

(3) Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của các thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu có phù hợp hay không trước khi đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Thang đo đảm bảo độ tin cậy khi  $0,6 \leq \alpha$  của Cronbach  $\leq 1$  (Nunnally, 1978 ; Peterson, 1994 ; Slate, 1995; trích bởi Lê Văn Huy và Trương Trần Trâm Anh, 2012) và biến đo lường của thang đo có hệ số tương quan biến – tổng hiệu chỉnh  $\geq 0,3$  (Nunnally and Bernstein, 1994; trích bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011).

(4) Phương pháp phân tích nhân tố khám phá được sử dụng để xác định những nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên du lịch về BĐKH. Để phân tích nhân tố khám phá, Kaiser (1974) cho rằng  $KMO \geq 0,9$ : Rất tốt;  $KMO \geq 0,8$ : Tốt;  $KMO \geq 0,7$ : Được;  $KMO \geq 0,6$ : Tạm được;  $KMO \geq 0,5$ : Xấu; và  $KMO < 0,5$ : Không thể chấp nhận được (trích trong Nguyễn Đình Thọ, 2011). Ngoài ra, nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig.  $> 0,05$  (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố. Theo Hair *et al.* (2009; trích trong Lê Văn Huy và Trương Trần Trâm Anh, 2012) với cỡ mẫu nghiên cứu là 450 thì biến thuộc nhân tố khi có hệ số tải  $\geq 0,3$ .

(5) Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: Phương pháp này được dùng để xác định nhân tố nào tác động đến biến phụ thuộc và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến nhận thức về BĐKH của sinh viên du lịch Trường CĐKG. Để mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa cần thỏa mãn các điều kiện:  $0 \leq$  hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh  $\leq 1$  (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008a); hệ số Sig. của kiểm định F và kiểm định  $t \leq 0,05$  và hệ số khuếch đại phương sai VIF  $< 10$  (Đình Phi Hồ, 2012) thì mô

hình hồi quy thích hợp. Phương trình hồi quy tuyến tính đa biến có dạng:  $Y = \alpha + \beta_1X_1 + \beta_2X_2 + \beta_3X_3 + \dots + \beta_nX_n + u_i$ . Trong đó, Y là biến phụ thuộc,  $\alpha$  là hệ số tự do,  $\beta$  là hệ số biến, X là biến độc lập và  $u_i$  là sai số.

### 3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức về BDKH của sinh viên Khoa Du lịch, trường Cao đẳng Kiên Giang

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến

**Bảng 1: Độ tin cậy của thang đo và biến quan sát**

Thang đo	Biến bị loại	Cronbach's $\alpha$	Hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh
Hoạt động giáo dục		0,906	0,638 $\rightarrow$ 0,775
Sự hiểu biết về biến đổi khí hậu		0,886	0,675 $\rightarrow$ 0,747
Nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu	NN1	0,866	0,504 $\rightarrow$ 0,735
Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu	TDTC7	0,903	0,701 $\rightarrow$ 0,763
Biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu	BP1	0,867	0,641 $\rightarrow$ 0,741
Hoạt động thông tin và truyền thông		0,896	0,699 $\rightarrow$ 0,791

Nguồn: Kết quả khảo sát từ sinh viên năm 2019, n=450

**Bảng 2: Kiểm định KMO and Bartlett**

Kiểm định KMO và Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.921
	Approx. Chi-Square	9770.019
Bartlett's Test of Sphericity	Df	561
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả khảo sát từ sinh viên năm 2019, n=450

Sau khi kiểm định KMO và Bartlett, chỉ số của dữ liệu nghiên cứu = 0,921 (chỉ số KMO rất tốt) và kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 (< 0,05) (Bảng 2). Vậy dữ liệu này đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Sau khi phân tích, tất cả 34 biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố  $\geq 0,3$ . Dựa vào bảng ma trận điểm số nhân tố (Bảng 3) có thể kết luận, có 06 nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH.

Nhân tố 1 gồm bảy biến: HDGD3, HDGD1, HDGD2, HDGD4, HDGD5, HDGD 6 và HDGD7. Nhân tố này được đặt tên là "Hoạt động giáo dục".

Nhân tố 2 gồm sáu biến: TDTC3, TDTC2, TDTC4 và TDTC1. Nhân tố này được đặt tên là "Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu".

nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Để tiến hành phân tích nhân tố khám phá, các thang đo và biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's  $\alpha$ . Sau khi đánh giá 6 thang đo với 37 biến quan sát, có 3 biến bị loại bỏ do hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh < 0,3 (NN1, TDTC7 và BP1). Như vậy, tổng số biến quan sát đảm bảo độ tin cậy và đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá là 34 biến (Bảng 1).

Nhân tố 3 gồm năm biến: TT2, TT3, TT1, TT5 (và TT4). Nhân tố này được đặt tên là "Hoạt động thông tin và truyền thông".

Nhân tố 4 bao gồm sáu biến: NN5, NN4, NN6, NN3, NN7 và NN2. Nhân tố này được đặt tên là "Nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu".

Nhân tố 5 gồm năm biến: SHB2, SHB1, SHB4 và SHB5. Nhân tố này được đặt tên là "Sự hiểu biết về biến đổi khí hậu".

Nhân tố 6 gồm ba biến: BP5, BP3, BP4, BP6 và BP2. Nhân tố này được đặt tên là "Biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu".

Để khẳng định các nhân tố thực sự ảnh hưởng và cường độ ảnh hưởng của các nhân tố đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng. Kết quả phân tích cho thấy dữ liệu thích

hợp cho phân tích hồi quy bởi nó thỏa mãn ba điều kiện ở phía trên đã đề cập:  $R^2$  hiệu chỉnh = 0,476,

giá trị Sig. của phân tích phương sai = 0,000 và VIF của các nhân tố < 2.

**Bảng 3: Ma trận điểm số nhân tố**

Biến quan sát	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
HDGD3	0,220					
HDGD1	0,219					
HDGD2	0,228					
HDGD4	0,209					
HDGD5	0,199					
HDGD6	0,189					
HDGD7	0,129					
TDTC3		0,285				
TDTC2		0,272				
TDTC5		0,262				
TDTC4		0,258				
TDTC6		0,215				
TDTC1		0,212				
TT2			0,269			
TT3			0,306			
TT1			0,287			
TT5			0,229			
TT4			0,230			
NN5				0,294		
NN4				0,264		
NN6				0,266		
NN3				0,262		
NN7				0,255		
NN2				0,214		
SHB2					0,288	
SHB3					0,284	
SHB1					0,280	
SHB4					0,269	
SHB5					0,271	
BP5						0,353
BP3						0,337
BP4						0,321
BP6						0,274
BP2						0,211

Nguồn: Kết quả khảo sát từ sinh viên năm 2019, n=450

**Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến**

Mô hình	Hệ số (B)	Hệ số (Beta)	T	Sig.	VIF
Hằng số	-2,057		0,000	1,000	
F1	0,314	0,314	9,193	0,000	1,000
F2	0,190	0,190	5,557	0,000	1,000
F3	0,363	0,363	10,622	0,000	1,000
F4	0,217	0,217	6,347	0,000	1,000
F5	0,179	0,179	5,251	0,000	1,000
F6	0,371	0,371	10,869	0,000	1,000

Nguồn: Kết quả khảo sát từ sinh viên năm 2019, n=450

Bảng 4 cho thấy có sáu nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH là: F1 (hoạt động giáo dục), F2 (tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu), F3 (hoạt động thông tin và truyền thông), F4 (nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu), F5 (sự hiểu biết về biến đổi khí hậu) và F6 (biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu).

Phương trình hồi quy tuyến tính như sau:  $Y = -2,057 + 0,314F1 + 0,190F2 + 0,363F3 + 0,217F4 + 0,179F5 + 0,371F6 + u_i$

F1 có hệ số là 0,314 và quan hệ cùng chiều với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “hoạt động giáo dục” tăng thêm 1 điểm thì nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH tăng thêm 0,314 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,314. Hoạt động giáo dục có ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về BDKH bởi vì trong hoạt động giáo dục, giảng viên và bài học trên lớp sẽ cung cấp và hình thành nên những kiến thức, kỹ năng và thái độ về một vấn đề nào đó, mà cụ thể ở đây là môi trường và BDKH. Nếu hoạt động giáo dục về BDKH tốt thì nhận thức của sinh viên sẽ cao, góp phần giảm thiểu vấn đề BDKH và ngược lại. Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục trong nhà trường không chỉ cung cấp và trang bị những kiến thức mà còn giúp sinh viên có những trải nghiệm và học tập thực tế thông qua các hoạt động thực tế về việc bảo vệ môi trường và BDKH như dọn dẹp vệ sinh, trồng cây xanh, nhặt rác thải,... điều này càng làm ảnh hưởng hơn nữa đối với mặt nhận thức. Chính vì vậy, hoạt động giáo dục trong kết quả của nghiên cứu này ủng hộ kết quả của Nguyễn Thị Minh Phương (2009), Hoàng Thị Kim Huyền và *ctv.* (2012) và Trần Thị Minh Ngọc (2017).

F2 có hệ số là 0,190 và quan hệ cùng chiều với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu” tăng thêm 1 điểm, nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH tăng thêm 0,190 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,190. Tác động tiêu cực của BDKH ngày nay xuất hiện ngày càng nhiều như dịch bệnh, sự xuất hiện thường xuyên của bão, hạn hán, sự nóng lên toàn cầu, nước biển dâng,... những tác động tiêu cực này ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống người dân nói chung và ngành dịch vụ du lịch nói riêng. Từ những ảnh hưởng đó, con người cố gắng tìm kiếm những thông tin liên quan như tại sao vấn đề này lại xảy ra,

cách giảm thiểu, có những biện pháp nào để hạn chế và khắc phục,... Từ đó, nhận thức của con người dần trở nên bị ảnh hưởng và thay đổi đối với vấn đề BDKH này. Vì vậy, tác động tiêu cực của BDKH được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình là nhân tố có ảnh hưởng đến nhận thức về BDKH, kết quả nghiên cứu này đồng tình với kết quả của Bord *et al.* (2000), the Aia Foundation (2012), Jorgensen and Termansen (2016) và Trần Thị Minh Ngọc (2017).

F3 có hệ số là 0,363 và quan hệ cùng chiều với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “hoạt động thông tin và truyền thông” tăng thêm 1 điểm, nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH tăng thêm 0,363 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,363. Hoạt động thông tin và truyền thông có ảnh hưởng rất lớn đến mọi vấn đề của xã hội. Hoạt động thông tin và truyền thông sẽ tác động đến nhận thức của người dân, từ nhận thức sẽ tác động đến hành động và ứng xử của họ. Nhờ đến truyền thông mà những vấn đề BDKH được người dân hiểu rõ hơn và lan truyền nhanh hơn. Không nằm ngoài lệ đó, hoạt động thông tin và truyền thông cũng tác động đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Bích Vân (2015) cũng cho thấy nhân tố hoạt động thông tin và truyền thông có ảnh hưởng đến nhận thức về BDKH.

F4 có hệ số là 0,217 và quan hệ cùng chiều với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu” tăng thêm 1 điểm, nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH tăng thêm 0,217 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,217. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến BDKH như chặt phá rừng, khí thải của phương tiện giao thông, các nhà máy, xí nghiệp, chất thải nhựa,... nguyên nhân dẫn đến BDKH có ảnh hưởng đến nhận thức của con người về vấn đề này. Bởi vì khi biết được các nguyên nhân dẫn đến BDKH kèm theo các tác động tiêu cực của nó thì nhận thức của con người sẽ bị tác động và dần thay đổi theo hướng tích cực bằng cách hạn chế và giảm thiểu các nguyên nhân xảy ra BDKH. Do đó, trong kết quả của nghiên cứu này, “nguyên nhân dẫn đến BDKH” là một trong những nhân tố tác động đến nhận thức của sinh viên Khoa du lịch về BDKH. Kết quả của các nhà nghiên cứu Bord *et al.* (2000), the Aisa Foundation (2012), Jorgensen and Termansen (2016) và Trần Thị Minh Ngọc (2017) cũng cho ra kết quả tương tự.

F5 có hệ số là 0,179 và quan hệ cùng chiều với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “sự hiểu biết về BDKH” tăng thêm 1 điểm, nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH tăng thêm 0,179 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,179. Kiến thức là vô cùng rộng lớn và cần thiết đối với mỗi con người, đặc biệt là học sinh, sinh viên. Nhân thức là quá trình tiếp thu kiến thức, sự hiểu biết và những am hiểu thông qua suy nghĩ. Đối với sự hiểu biết về BDKH, nếu sinh viên có đủ hiểu biết về BDKH như khái niệm (tức nó là cái gì), nguyên nhân dẫn đến BDKH, tác động của BDKH, biện pháp khắc phục, thích nghi, hạn chế BDKH,... thì sinh viên sẽ có nhận thức và hành động đúng đắn hơn về vấn đề này. Cụ thể, nếu sinh viên biết được nguyên nhân và tác động tiêu cực của BDKH gây ra thì nhận thức của sinh viên sẽ dần thay đổi và tìm cách giảm thiểu tình trạng này xảy ra. Kết quả của Bord *et al.* (2000), the Aisa Foundation (2012), Jorgensen and Termansen (2016) và Trần Thị Minh Ngọc (2017) cũng tương tự với kết quả của nghiên cứu này.

F6 có hệ số là 0,371 và quan hệ cùng chiều với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Khi sinh viên đánh giá nhân tố “biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu” tăng thêm 1 điểm, nhận thức của sinh viên tăng thêm 0,371 điểm, tương ứng với hệ số tương quan chưa chuẩn hóa là 0,371. Việc xuất hiện các biện pháp hạn chế BDKH như các khẩu hiệu, băng rôn tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, các hoạt động bảo vệ môi trường về nhặt rác, trồng rừng, dọn vệ sinh đường phố, bờ biển,... một phần làm ảnh hưởng đến nhận thức của người dân về vấn đề BDKH. Bởi vì, khi nhìn thấy những biện pháp này, cộng đồng người dân sẽ đặt một câu hỏi “tại sao họ lại làm những việc như vậy?” và từ đó cộng đồng người dân sẽ tìm hiểu và nhận thức được lợi ích của các biện pháp này mang lại, giúp ích cho cuộc sống, kinh tế và xã hội. Đặc biệt, trong ngành du lịch có sự xuất hiện của các loại hình du lịch liên quan đến bảo vệ môi trường như du lịch xanh, du lịch bền vững hay du lịch có trách nhiệm, điều này sẽ tác động nhiều đến nhận thức của sinh viên du lịch do các lợi ích mà nó mang lại cho việc phát triển du lịch ngày nay. Bord *et al.* (2000), the Aisa Foundation (2012), Jorgensen and Termansen (2016) và Trần Thị Minh Ngọc (2017) cũng chỉ ra rằng biện pháp hạn chế BDKH có ảnh hưởng đến nhận thức về BDKH.

Dựa vào kết quả hệ số tác động của các nhân tố trên thì nhân tố “biện pháp hạn chế BDKH” đóng vai trò quan trọng nhất đối với nhận thức của sinh

viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH (do có hệ số lớn nhất là 0,371). Tầm quan trọng của các nhân tố khác theo thứ tự giảm dần là “hoạt động thông tin và truyền thông”, “hoạt động giáo dục”, “nguyên nhân dẫn đến BDKH”, “tác động tiêu cực của BDKH” và “sự hiểu biết về BDKH”.

### 3.2 Sự khác biệt nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, trường Cao đẳng Kiên Giang về BDKH

Sau khi kiểm định mối quan hệ về giới tính và ngành học của sinh viên thì kết quả cho thấy, nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG đối với vấn đề BDKH không có sự khác nhau về giới tính và ngành học. Tức là sinh viên nam và sinh viên nữ ở Khoa Du lịch là có nhận thức như nhau; và sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành với ngành Quản trị khách sạn đều có nhận thức về BDKH giống nhau.

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG đối với vấn đề BDKH. Sinh viên khóa 12 có nhận thức cao nhất về vấn đề BDKH, kế đến là khóa 13 và thấp nhất là khóa 11 (Bảng 6). Sở dĩ có sự khác nhau về mặt nhận thức giữa sinh viên khóa 11, 12 và 13 là do trong thời gian vừa qua, chủ yếu là từ năm học 2018-2019 trở đi (từ Khóa 12 và 13), Đoàn Trường và Đoàn Khoa có các hoạt động bảo vệ môi trường như thúng rác chai nhựa, làm hoa tái chế, thời trang tái chế, trồng thêm cây xanh, hoạt động tình nguyện về việc dọn dẹp vệ sinh khu phố, nhặt rác tại công viên và bờ kè Khu lán biển, hoạt động du lịch có trách nhiệm thông qua nhặt rác tại đỉnh Ma Thiên Lãnh (Hòn Sơn),... và tần suất diễn ra ngày càng nhiều, nhất là được sự hưởng ứng của các khóa mới (khóa 13). Còn từ năm học 2018-2019 trở về trước, các vấn đề môi trường và BDKH rất ít được đề cập, chủ yếu đề cập trong các môn học lý thuyết như Tổng quan du lịch và Du lịch bền vững, còn các hoạt động vì môi trường còn rất ít. Chính vì vậy, việc nhận thức của sinh viên du lịch có sự khác biệt nhau giữa các khóa.

**Bảng 6: Sự khác biệt về nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang đối với BDKH theo khóa học**

Khóa học	Giá trị trung bình	Sig.
Khóa 12	4,12	
Khóa 13	4,05	0,05
Khóa 11	3,88	

Nguồn: Kết quả khảo sát từ sinh viên năm 2019, n=450



### 3.3 Một số giải pháp nâng cao nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang về BDKH

Để nâng cao nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH, một số giải pháp được đề xuất như sau:

– Đoàn Khoa Du lịch cần thường xuyên tổ chức các hoạt động liên quan đến việc bảo vệ môi trường và hạn chế BDKH, trong đó việc sinh viên có thể làm được trước mắt đó chính là hoạt động nhặt rác tại khuôn viên khoa, trường và các khu vực công cộng với tần suất thường xuyên 1 lần/tuần hoặc 2 lần/tháng, hoặc hoạt động cải tạo và trồng thêm cây xanh ở các khu vực Khoa và các phòng học. Ngoài ra, Đoàn Trường và Đoàn Khoa Du lịch cần tổ chức và nhân rộng các phong trào liên quan đến việc bảo vệ môi trường và BDKH như cuộc thi thiết kế sản phẩm thời trang hoặc vật dụng bằng đồ tái chế (tuyệt đối không mua nguyên vật liệu mà chỉ sử dụng các sản phẩm có sẵn), đổi rác thải nhựa để lấy cây xanh, lập thùng rác phân loại rác thải, cuộc thi tìm hiểu về môi trường và BDKH,...

– Đối với hoạt động thông tin và truyền thông thì cần có các bảng hiệu, băng rôn liên quan đến môi trường và BDKH tại khu vực Khoa chuyên môn và tại các phòng học lý thuyết lẫn thực hành nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về vấn đề này. Khi thực hiện các chiến dịch và phong trào hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và BDKH thì cần có những bài viết kèm hình ảnh để đăng trên website, mạng xã hội của Khoa và Trường nhằm tác động đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch nói riêng và sinh viên toàn trường nói chung được nhiều hơn.

– Trong hoạt động giảng và giáo dục cần lồng ghép các nội dung về môi trường và BDKH hiện nay trên thế giới nói chung và ở Việt Nam cũng như tại tỉnh Kiên Giang nói riêng vào trong các học phần liên quan mật thiết như Tổng quan du lịch, du lịch có trách nhiệm, du lịch bền vững, tuyển điểm du lịch. Không những thế, các học phần du lịch khác cũng cần được đề cập đến như nghiệp vụ buồng, nghiệp vụ chế biến món ăn, nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng,... Các nội dung cần đề cập đến chất thải, rác thải trong sản xuất, lao động và hoạt động du lịch hiện nay, đồng thời bao gồm cả kiến thức về môi trường và BDKH (khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, sức ảnh hưởng, biện pháp ứng phó,...). Ngoài ra, cần tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề về môi trường và BDKH để chia sẻ cũng như cập nhật những thông tin mới nhất về vấn đề này đến sinh viên của Khoa nhằm nâng cao nhận thức hơn ở sinh viên

– Bên cạnh đó, hai câu lạc bộ của Khoa Du lịch là câu lạc bộ Hướng dẫn du lịch và câu lạc bộ Tiếng Anh Du lịch cần lên kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoại khóa tại các điểm du lịch trong địa bàn tỉnh Kiên Giang hoặc ở các vùng phụ cận. Trong chuyến hoạt động tham quan du lịch ngoại khóa này, ban tổ chức cần kết hợp du lịch và môi trường, tức là sẽ kết hợp đi tham quan với hoạt động tuyên truyền và hành động bảo vệ môi trường góp phần giảm thiểu BDKH xảy ra như nhặt rác trên đường đi, dọn sạch rác trên bãi cát ở bờ biển, trồng thêm cây xanh,... Hoạt động này một mặt vừa giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế đối với lĩnh vực du lịch, các điểm tham quan; một mặt giúp sinh viên vận dụng được những kiến thức đã học trong các học phần về Tổng quan du lịch, du lịch có trách nhiệm, du lịch bền vững vào trong thực tế, từ đó nâng cao được nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường và BDKH của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG.

## 4 KẾT LUẬN

Việc nâng cao nhận thức của sinh viên nói chung và sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG nói riêng là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Việc khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về vấn đề BDKH sẽ góp phần cung cấp những chứng cứ thực tiễn, từ đó có những biện pháp thích hợp để kịp thời thay đổi nhận thức và hành động theo chiều hướng tích cực hơn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH: (1) hoạt động giáo dục, (2) tác động tiêu cực của BDKH, (3) hoạt động thông tin và truyền thông, (4) nguyên nhân dẫn đến BDKH, (5) sự hiểu biết về BDKH, (6) biện pháp hạn chế BDKH. Trong đó, nhân tố “biện pháp hạn chế BDKH” đóng vai trò quan trọng nhất đối với nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH. Bên cạnh đó, thông qua kết quả phân tích cho thấy nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG về BDKH chỉ có sự khác biệt về khóa học, còn giới tính và ngành học thì không có sự khác biệt. Qua kết quả đó, để nhận thức của sinh viên Khoa Du lịch, Trường CĐKG đối với BDKH được nâng cao hơn trong thời gian tới thì cần áp dụng các giải pháp được đề xuất ở trên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- DARA, 2012. Climate Vulnerability Monitor 2nd Edition: A Guide to the Cold Calculus of a Hot Planet. DARA and the Climate Vulnerable Forum. Spain, 360 pages.

- Field, C.B., Barros, V.R., Dokken, D.J., *et al.*, 2014. In *Climate Change 2014: Impacts, Adaptation, and Vulnerability*. Cambridge University Press. New York, 1820.
- Đình Phi Hồ, 2012. Phương pháp nghiên cứu định lượng & Những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển – nông nghiệp. Nhà xuất bản Phương Đông. Thành phố Hồ Chí Minh, 428 trang.
- Lê Văn Huy và Trương Trần Trâm Anh, 2012. Phương pháp nghiên cứu trong Kinh doanh. Nhà xuất bản Tài chính. Thành phố Hồ Chí Minh, 277 trang.
- Hoàng Thị Kim Huyền, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Văn Khải, Đặng Duy Lợi và Đinh Thị Kim Nhung, 2012. Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu trong môn sinh học cấp Trung học phổ thông. Nhà xuất bản Bộ Giáo dục và Đào tạo. 72 trang.
- IPCC (Intergovernmental Panel on Climate Change), 2007. *Climate change 2007: Impacts, adaptation and vulnerability*. Geneva, Intergovernmental Panel on Climate Change, 2007. Cambridge University Press, Cambridge, United Kingdom and New York, NY, USA.
- Jorgensen, S. L. and Termansen, M., 2016. Linking climate change perceptions to adaptation and mitigation action. *Climatic Change*, Springer. 138(1): 283-296.
- Phạm Trung Lương, 2015. Biến đổi khí hậu với phát triển du lịch Việt Nam, Tài liệu tập huấn Bồi dưỡng kiến thức Quản lý Nhà nước về du lịch. Tổng cục du lịch.
- Trần Thị Minh Ngọc, 2017. Nhận thức và thái độ của học sinh trung học phổ thông về biến đổi khí hậu hiện nay (nghiên cứu trường hợp học sinh trường trung học phổ thông Xuân Đình-Bắc Từ Liêm-Hà Nội). Luận văn cao học. Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Minh Phương, 2009. Giáo dục phổ thông góp phần nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Hội thảo Nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó với những thách thức của biến đổi khí hậu. Trường ĐHSP Hà Nội.
- Nguyễn Đình Thọ, 2011. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội. Hà Nội, 593 trang.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008a. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 1). Nhà xuất bản Hồng Đức. Thành phố Hồ Chí Minh, 180 trang.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008b. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2). Nhà xuất bản Hồng Đức. Thành phố Hồ Chí Minh, 180 trang.
- The Asia Foudation, 2012. *Improving lives expanding opportunities*. Leewood Press. San Francisco, 40 pages.
- Trần Bích Vân, 2015. Xây dựng mô hình truyền thông về biến đổi khí hậu trong các trường trung học cơ sở tại Hà Nội. Luận văn cao học. Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
- Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy và Đinh Văn Lang, 2008. Giáo trình tâm lý học đại cương. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội. Hà Nội, 230 trang.
- Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, 2011. Tài liệu hướng dẫn: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và xác định các giải pháp thích ứng. Nhà xuất bản Tài nguyên – môi trường và bản đồ Việt Nam. Hà Nội, 72 trang.
- Ziadat, A.H., 2010. Major factors contributing to environmental awareness among people in a third world country/Jordan. *Environment, Development and Sustainability*. 12(1): 135-145.